

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUẬN CHÂU
TỈNH SƠN LA**

Bản án số: 90/2019/HSST.

Ngày: 31 - 7 - 2019.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN CHÂU, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kỳ Việt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thào A Páo + Ông Lường Văn Duôi.

Thư ký phiên tòa: Ông Lường Văn Dục – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Bạc Thị Thoản – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 90/2019/HSST ngày 17 tháng 7 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2019/QĐXXST – HS ngày 19 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo:

Sùng A T; tên gọi khác: Sùng A T; sinh ngày: 18/7/1996 tại: huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Bản H T, xã C B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt nam; Con ông: Sùng Khua D, sinh năm: 1969 và bà Vàng Thị M, sinh năm: 1970; bị cáo chưa có vợ; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt giam giữ từ ngày 18/5/2019 cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

* Bị hại: Ông Tòng Văn Đ, sinh năm: 1964, nơi cư trú: Bản N P, xã M B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La (Có mặt).

* Người có quyền lợi liên quan: Anh Tòng Văn C, sinh năm: 2001, nơi cư trú: Bản C, xã M B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 22/3/2019, Sùng A T đi bộ từ phòng trọ của Cà Văn Q sang phòng trọ của Tòng Văn C tại bản Pha Khuông, xã Co Mạ, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La (Q và C là học sinh trường THPT Co Mạ) với mục đích đến chơi với học sinh thuê trọ, tuy nhiên phòng trọ tại tầng 02 không khóa cửa và cũng không có người. T quan sát thấy 01 chiếc xe máy BKS: 26M1 – 079.98 của C dựng ở dưới sân

nên nảy sinh ý định chiếm đoạt, T vào phòng trọ tìm thấy chìa khóa xe máy C để ở cuối giường sau đó tra chìa khóa vào ổ khóa điện khởi động xe máy điều khiển đi theo đường mòn từ bản Pha Khuông ra Tỉnh lộ 108 ra Quốc lộ 6A rồi đến thành phố Sơn La, để tìm nơi tiêu thụ. Khoảng 09 giờ ngày 26/3/2019 Sùng A T tiếp tục điều khiển xe máy tìm nơi tiêu thụ thì bị Đội Cảnh sát giao thông Công an thành phố Sơn La yêu cầu kiểm tra và do không xuất trình được giấy phép lái xe và đăng ký chiếc xe nên đã bị lập biên bản, tạm giữ phương tiện là chiếc xe máy BKS: 26M1 – 079.98.

Sau một thời gian bỏ trốn tại huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên thì Sùng A T trở lại địa phương cho đến ngày 15/5/2019 thì chủ động đến Công an xã Co Mạ đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp chiếc xe máy BKS: 26M1 – 079.98 tại khu vực phòng trọ của Tòng Văn C tại bản Pha Khuông, xã Co Mạ, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La như trên.

Căn cứ vào đơn trình báo của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và nội dung khai nhận tội của Sùng A T, ngày 17/5/2019 cơ quan CSĐT Công an huyện Thuận Châu đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can Sùng A T để điều tra về hành vi Trộm cắp tài sản.

Ngày 16/5/2019, cơ quan Điều tra Công an huyện Thuận Châu đã tiếp nhận vật chứng từ Đội CSGT Công an thành phố Sơn La là chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA/WAVE, BKS: 26M1 – 079.98 là vật chứng liên quan đến hành vi vi phạm luật giao thông đường bộ của đối tượng Sùng A T ngày 26/3/2019.

Tại bản kết luận số: 296/KL-HĐTS ngày 16/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La kết luận: Chiếc xe mô tô hai bánh loại Wave , nhãn hiệu HONDA, BKS: 26M1 – 079.98 màu sơn đỏ - đen có giá trị 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng).

Quá trình điều tra đã xác định chủ sở hữu chiếc xe là ông Tòng Văn Đ (Sinh năm: 1964, nơi cư trú: Bản Nà Pa, xã Mường Bám, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La), ông Đ cho cháu nội là Tòng Văn C mượn để làm phương tiện đi học và bị kẻ gian lấy trộm vào ngày 22/3/2019 tại khu vực Tòng Văn C thuê trọ (Bản Pha Khuông, xã Co Mạ, huyện Thuận Châu).

Tại bản Cáo trạng số: 90/CT - VKS ngày 17/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, đề nghị truy tố bị can Sùng A T về tội: Trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự;

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, giữ quan điểm truy tố bị cáo Sùng A T, với tội danh và điều khoản luật áp dụng như trên.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173 – các điểm i, s khoản 1 Điều 51– khoản 2 Điều 51 Điều 38 Bộ luật hình sự;

- Tuyên bố bị cáo Sùng A T phạm tội: Trộm cắp tài sản và xử phạt bị cáo mức án từ 12 đến 18 tháng tù.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền được quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

Chấp nhận việc xử lý vật chứng của cơ quan Điều tra đã trả lại chiếc xe máy BKS: 26M1 – 079.98 cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Tòng Văn Đôi.

Đề nghị áp dụng: khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585 và 589 Bộ luật dân sự;

- Buộc bị cáo Sùng A T bồi thường công truy tìm tài sản cho bị hại với số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

- Buộc bị cáo Sùng A T bồi thường công truy tìm tài sản cho người có quyền lợi liên quan Tòng Văn C (Nắm giữ tài sản hợp pháp của bị hại) với số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng).

Tại phiên tòa bị cáo Thào có ý kiến: Thừa nhận hành vi trộm cắp chiếc xe máy BKS: 26M1 – 079.98 tại khu vực phòng trọ của Tòng Văn C tại bản Pha Khuông, xã Co Mạ, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La vào ngày 22/3/2019, với mục đích bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Nay bị cáo đã biết tội, nhất trí bồi thường công truy tìm tài sản theo yêu cầu của ông Đ và anh C và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa bị hại là ông Đ có ý kiến: Tài sản bị cáo chiếm đoạt là chiếc xe máy BKS: 26M1 – 079.98 đã được cơ quan Điều tra thu giữ và giao trả. Nay yêu cầu bị cáo bồi thường công truy tìm tài sản cho ông Đôi với số tiền 5.000.000đ và đề nghị xét xử bị cáo theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa người có quyền lợi liên quan là anh C có ý kiến: Chiếc xe máy đã được cơ quan Điều tra thu giữ và giao trả cho bị hại. Nay yêu cầu bị cáo bồi thường công truy tìm tài sản cho anh với số tiền 1.000.000đ và đề nghị xét xử bị cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết

định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về nội dung: Ngày 22/3/2019, tại bản Pha Khuông, xã Co Mạ, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La bị cáo Sùng A T (*Có căn cứ lịch sử như trên*) đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc xe máy BKS: 26M1 – 079.98 trị giá 14.000.000đ của ông Tòng Văn Đồi (Giao cho anh Tòng Văn Chính quản lý sử dụng) nhằm bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự để nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là trái pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Xét lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của anh Chính về thời gian, địa điểm chiếc xe máy bị chiếm đoạt, sơ đồ hiện trường vụ án, kết luận định giá tài sản cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Trên cơ sở đó đã đủ căn cứ kết luận bị cáo Sùng A T đã phạm vào tội: Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Như quan điểm truy tố và luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“ 1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm: ”.

[3] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi tội phạm bị cáo thực hiện đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội địa phương. Do vậy cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc với mục đích trừng trị đối với hành vi phạm tội bị cáo gây ra đồng thời cũng là để giáo dục và cải tạo bị cáo trở thành người công dân thực sự có ích cho xã hội. Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự có mức hình phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm là tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật về tội phạm và hình phạt.

[4] Tình tiết tăng nặng: Không.

[5] Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội lần đầu; sau khi bỏ trốn khỏi địa phương đã nhận thức được lỗi lầm bằng việc chủ động đầu thú tại Công an xã Co Mạ; quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thành khẩn khai báo về toàn bộ hành vi phạm tội. Do vậy được áp dụng là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Bị cáo đang bị tạm giam, cần tiếp tục giam giữ bị cáo theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự.

[7] Vấn đề trách nhiệm dân sự:

- Đối với bị hại: Quá trình điều tra ông Đ đã được nhận lại tài sản do bị cáo bị chiếm đoạt là chiếc xe máy. Tại phiên Tòa bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường công truy tìm tài sản với số tiền 5.000.000đ. Xét yêu cầu của bị hại là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585 và 589 Bộ luật dân sự; phù hợp với thực tế về công sức đã bỏ ra truy tìm tài sản. Do vậy yêu cầu bồi thường của bị hại được Hội đồng xét xử chấp nhận với số tiền là 5.000.000đ.

- Đối với người có quyền lợi liên quan: Tại phiên Tòa anh C yêu cầu bị cáo bồi thường công truy tìm tài sản được bị hại giao quản lý với số tiền 1.000.000đ. Xét yêu cầu của anh C là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585 và 589 Bộ luật dân sự; nên được chấp nhận.

[8] Xử lý vật chứng: Tài sản bị cáo chiếm đoạt là chiếc xe máy đã được cơ quan Điều tra thu hồi giao trả cho bị hại. Do vậy tại phiên tòa không đặt ra vấn đề xem xét giải quyết.

[9] Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; các điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

[10] Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi liên quan được quyền kháng cáo, theo quy định tại các Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự;

- Tuyên bố bị cáo Sùng A T phạm tội: Trộm cắp tài sản.

- Xử phạt bị cáo Sùng A T 14 (Mười bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày 18/5/2019 (Ngày bắt giữ bị cáo).

Áp dụng khoản 1, 3 Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự;

* Tiếp tục tạm giam bị cáo trong hạn 45 (Bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án, để đảm bảo biện pháp thi hành án phạt tù.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585 và 589 Bộ luật dân sự;

- Buộc bị cáo Sùng A T bồi thường công truy tìm tài sản (Xe máy) cho bị hại Tòng Văn Đ với số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng);

- Buộc bị cáo Sùng A T bồi thường công truy tìm tài sản (Xe máy) cho người có quyền lợi liên quan Tòng Văn C với số tiền 1.000.000đ (*Một triệu đồng*).

3. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình; các điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Buộc bị cáo Sùng A T nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) và án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

4. Quyền kháng cáo:

Áp dụng các Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Báo cho bị cáo Sùng A T, bị hại Tòng Văn Đ và người có quyền lợi liên quan Tòng Văn Ch biết quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Kể từ ngày bản án , quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự ”./.

Nơi nhận:

- Toà án ND tỉnh;
- Viên kiểm sát (02 bản);
- Sở tư pháp;
- Công an huyện;
- THA hình sự
- THA dân sự huyện;
- Trại giam;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VPTA (01 bản).

T. M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Kỳ Việt